

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CÔNG NGHỆ Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105^A/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 20/02/2019

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

Tên ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2,0 năm. Trong đó:

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian thực tập trải nghiệm: 0,5 năm.

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian học văn hóa: 0,5 năm (*bổ trí xen kẽ trong thời gian học chuyên môn*).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cán bộ kỹ thuật về Công nghệ ô tô trình độ trung cấp có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Kiến thức:**

- + Có kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đáp ứng yêu cầu công việc.
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản của các môn học kỹ thuật cơ sở để hỗ trợ cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề;
- + Có kiến thức cơ bản về công nghệ Sửa chữa ô tô.
- + Hiểu được cấu tạo, nguyên lý làm việc phân tích các hiện tượng, nguyên nhân hư hỏng của động cơ đốt trong, của ô tô
- + Có kiến thức về qui trình và phương pháp tháo lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng của động cơ và ô tô.

- **Kỹ năng:**

- + Sử dụng được các loại trang thiết bị, dụng cụ nghề công nghệ ô tô, dụng cụ đo - kiểm tra thông dụng của nghề;
- + Thực hiện thành thạo việc tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của động cơ và ô tô.

- + Bảo dưỡng, sửa chữa được động cơ đốt trong, của ô tô
- + Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, để hoàn thành tốt nhiệm vụ thuộc phạm vi nghề nghiệp của mình.

- + Tự nâng cao trình độ chuyên môn;

- + Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.

- + Có phương pháp làm việc khoa học; biết xác định, phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, sáng tạo trong thực hiện công việc.

- + Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.

- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.

- + Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

- Chính trị, đạo đức:

- + Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- + Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

- + Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

- + Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng:

- + Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;

- + Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

- + Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc tại các vị trí:

- Đảm nhận các công việc vận hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị điện, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp;

- Làm việc trong các tổ cơ điện, phòng bảo dưỡng bảo trì thiết bị điện của các nhà máy, xí nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 23

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 62 tín chỉ - 1473 giờ

- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1218 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 441 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1032 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
I	Các môn học chung					
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
LAW111(MH)	Pháp luật	1	15	9	5	1
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	2	45	21	21	3
GIF111(MH)	Tin học	2	45	15	29	1
ENG131(MH)	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
	Tổng (I)	12	255	94	148	13
II	Các môn học, module đào tạo nghề					
II.1	Các môn học, module kỹ thuật cơ sở					
MEM221(MH)	Vật liệu cơ khí	2	45	14	30	1
ATT221(MH)	Dung sai lắp ghép và đo lường KT	2	45	14	30	1
TED231(MH)	Vẽ kỹ thuật	3	60	28	30	2
STL211(MH)	Kỹ thuật an toàn và BHLĐ	1	15	14	0	1
MEE221(MH)	Cơ kỹ thuật	2	45	14	30	1
	Tổng (II.1)	10	210	84	120	6
II.2	Các môn học, module chuyên môn nghề					
GTA321(MĐ)	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	45	20	23	2
RCE341(MĐ)	BD&SC cơ cấu trục khuỷu thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	5	120	30	87	3
RSG331(MĐ)	BD&SC hệ thống phân phối khí	3	68	23	42	3

RLC331(MĐ)	BD&SC hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	3	68	23	42	3
RGS331(MĐ)	BD&SC hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	3	68	23	42	3
RDS331(MĐ)	BD&SC hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	68	23	42	3
RAE341(MĐ)	BD&SC trang bị điện ô tô	4.5	105	30	72	3
RTS341(MĐ)	BD&SC hệ thống truyền lực	4.5	105	30	72	3
RSM321(MĐ)	BD&SC hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
RSS331(MĐ)	BD&SC hệ thống lái	3	68	23	42	3
RBS331(MĐ)	BD&SC hệ thống phanh	3	68	23	42	3
AUT410(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	4	180	0	180	0
	Tổng (II.2)	40	1008	263	714	31
	Tổng (II)	50	1218	347	834	37
Tổng cộng		62	1473	441	982	50

Ghi chú:

- Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ: 66%.

- Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế: (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm) 1782 giờ. (Trong đó: Giờ TTTN và TN = 800 giờ)

- Quy định về thời lượng:

+) 01 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đề án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...)

+) 01 giờ học lý lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề:

- Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

- Lớp >10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THCS
NGÀNH NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	Các môn học chung										
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	30			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF111(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
ENG131(MH)	Tiếng Anh	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
	Tổng (I)		12	255	94	148	13	90	120	45	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
MEM221(MH)	Vật liệu cơ khí	Lý thuyết	2	45	14	30	1	45			
ATT221(MH)	Dung sai lắp ghép và đo lường KT	Lý thuyết	2	45	14	30	1	45			
TED231(MH)	Vẽ kỹ thuật	Lý thuyết	3	60	28	30	2			60	
STL211(MH)	Kỹ thuật an toàn và BHLĐ	Lý thuyết	1	15	14	0	1	15			
MEE221(MH)	Cơ kỹ thuật	Lý thuyết	2	45	14	30	1			45	
	Tổng (II.1)		10	210	84	120	6	105	0	105	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn										

GTA321(MĐ)	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	Tích hợp	2	45	20	23	2	45			
RCE341(MĐ)	BD&SC cơ cấu trục khuỷu thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	Tích hợp	5	120	30	87	3	120			
RSG331(MĐ)	BD&SC hệ thống phân phối khí	Tích hợp	3	68	23	42	3		68		
RLC331(MĐ)	BD&SC hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	Tích hợp	3	68	23	42	3		68		
RGS331(MĐ)	BD&SC hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	Tích hợp	3	68	23	42	3		68		
RDS331(MĐ)	BD&SC hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	Tích hợp	3	68	23	42	3		68		
RAE341(MĐ)	BD&SC trang bị điện ô tô	Tích hợp	4,5	105	30	72	3		105		
RTS341(MĐ)	BD&SC hệ thống truyền lực	Tích hợp	4,5	105	30	72	3			105	
RSM321(MĐ)	BD&SC hệ thống di chuyển	Tích hợp	2	45	15	28	2			45	
RSS331(MĐ)	BD&SC hệ thống lái	Tích hợp	3	68	23	42	3			68	
RBS331(MĐ)	BD&SC hệ thống phanh	Tích hợp	3	68	23	42	3			68	
	Học văn hóa		4	180	0	180	0				180
	Tổng (II.2)		40	1008	263	714	31	165	377	286	180
	Tổng (II)		50	1218	347	834	37	270	377	391	180
	Tổng cộng		62	1473	441	982	50	360	497	436	180
	Tổng giờ theo HK							360	497	436	180

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT
NGÀNH NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Phân theo học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV
					LT	TH/ BT	KT				
I	Các môn học chung										
POL121(MH)	Giáo dục chính trị	Lý thuyết	2	30	15	13	2	30			
LAW111(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	9	5	1	15			
PHE111(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	4	24	2		30		
MIE121(MH)	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	21	21	3			45	
GIF111(MH)	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
ENG131(MH)	Tiếng Anh	Tích hợp	4	90	30	56	4		90		
	Tổng (I)		12	255	94	148	13	90	120	45	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
MEM221(MH)	Vật liệu cơ khí	Lý thuyết	2	45	14	30	1	45			
ATT221(MH)	Dung sai lắp ghép và đo lường KT	Lý thuyết	2	45	14	30	1	45			
TED231(MH)	Vẽ kỹ thuật	Lý thuyết	3	60	28	30	2			60	
STL211(MH)	Kỹ thuật an toàn và BHLĐ	Lý thuyết	1	15	14	0	1	15			
MEE221(MH)	Cơ kỹ thuật	Lý thuyết	2	45	14	30	1			45	
	Tổng (II.1)		10	210	84	120	6	105	0	105	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn										
GTA321(MĐ)	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	Tích hợp	2	45	20	23	2	45			

RCE341(MĐ)	BD&SC cơ cấu trục khuỷu thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	Tích hợp	5	120	30	87	3	120			
RSG331(MĐ)	BD&SC hệ thống phân phối khí	Tích hợp	3	68	23	42	3		68		
RLC331(MĐ)	BD&SC hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	Tích hợp	3	68	23	42	3		68		
RGS331(MĐ)	BD&SC hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	Tích hợp	3	68	23	42	3		68		
RDS331(MĐ)	BD&SC hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	Tích hợp	3	68	23	42	3		68		
RAE341(MĐ)	BD&SC trang bị điện ô tô	Tích hợp	4,5	105	30	72	3		105		
RTS341(MĐ)	BD&SC hệ thống truyền lực	Tích hợp	4,5	105	30	72	3			105	
RSM321(MĐ)	BD&SC hệ thống di chuyển	Tích hợp	2	45	15	28	2			45	
RSS331(MĐ)	BD&SC hệ thống lái	Tích hợp	3	68	23	42	3			68	
RBS331(MĐ)	BD&SC hệ thống phanh	Tích hợp	3	68	23	42	3			68	
AUT410(MĐ)	Thực tập trải nghiệm	Thực hành	4	180	0	180	0				180
	Tổng (II.2)		40	1008	263	714	31	165	377	286	180
	Tổng (II)		50	1218	347	834	37	270	377	391	180
	Tổng cộng		62	1473	441	982	50	360	497	436	180
	Tổng giờ theo HK							360	497	436	180

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của nghề Công nghệ Ô tô được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Thông tư 09*) và Quyết định số 654/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Quyết định 654*).

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quy định 654.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng